TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Baûn aùn soá: 42/2022/ HNGÑ –ST
Ngaøy: 07/6/2022
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Hữu Lương.

- *Cc Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tường Bích;
2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Khắc Phiên-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 84/2022/TLST –HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị Bích L**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp x, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre..

Bị đơn: **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp t, xã Thừa Đức, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Bích L trình bày như sau:*

Chị và anh Nguyễn Minh N sống chung với nhau từ vào năm 2015, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh N thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hợp, anh N thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về anh N kiếm chuyện chửi bới, đánh đập vợ con, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi, anh N có dùng dao kề cổ hăm dọa chị, anh N có lần cầm xe đạp đánh chị nhưng được mẹ anh N ngăn cản. Vì vậy, chị và anh N đã ly thân

từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh N có gọi điện nhưng hăm dọa không tìm cách hàn gắn. Nay chị không còn tình cảm với anh N, vợ chồng chị không thể hàn gắn tình cảm với nhau. Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay cháu K đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 22/002/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Minh N trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Bích L cưới nhau vào năm 2015. Quá trình sinh sống có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh và chị L thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống, anh có chửi mắng chị L, nhưng anh không có đánh đập vợ như lời chị L trình bày. Anh và chị L đã ly thân từ ngày 14 tháng 02 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên có liên lạc tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau. Anh cam kết sửa đổi tính tình, không chửi mắng vợ, mong vợ chồng đoàn tụ, anh vẫn còn thương vợ con. Anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

- Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay cháu K đang sống với chị L. Nếu vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu K, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định điều 70, 71, 72 bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích L đối với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Chị L được trực tiếp con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/01/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tịa, pht biểu của kiểm st vin. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh N và chị Lê Thị Bích L cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhn dn x Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2015 nên được cơng nhận l hơn nhn hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh N và chị L thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau trong cuộc sống, anh N có chửi mắng chị L, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì cuộc sống vợ chồng anh N và chị L đã có sự mâu thuẫn, không thể hàn gắn được.

Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị L là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] *Về con chun*g: Anh N và chị L có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/01/2017. Nhận thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu K sống với chị L, được chị L nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh, tại Tòa anh N cũng thừa nhận từ nhỏ cháu K luôn khắng khích bên mẹ và từ khi ly thân đến nay cháu K vẫn sống với chị L nên tiếp tục giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Anh N và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] *Về nợ chung*: Anh N và chị L khai không có, nên không xét đến.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Lin phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trn;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyeân xöû:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích L đối với anh Nguyễn Minh N. Chị L được ly hôn với anh N. Quan hệ hôn nhân của chị L và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/01/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Chị L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005905 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Vậy án phí Lê Thị Bích L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ,
huyện G tỉnh Bến Tre
(Số 60, quyển 01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương